TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-12-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Đặng Huy Du.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên toà số 29/TB-TA ngày 08 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1963;địa chỉ: Số 9/161 Chùa Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân Ngh, sinh năm 1963;địa chỉ: Aufenauer StraBe2 63 607 Wachtersbach, Cộng hoà liên bang Đức; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh B trình bày:

Bà B và ông Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND quận Lê Ch, thành phố Hải Ph vào ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn, ông

Ngh chung sống với bà B ở Việt Nam một thời gian, sau đó ông Ngh về nước. Đến tháng 07/2020, bà B sang Đức đoàn tụ chung sống với ông Ngh được khoảng 3 năm. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, văn hoá nên bà B đã trở về Việt Nam sinh sống. Từ khi bà B về nước do sự xa cách về địa lý nên từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Ngh để bà nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung: Bà B và ông Ngh không có con chung, tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai của bị đơn, ông Nguyễn Xuân Ngh trình bày: Ông thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà B. Từ giữa năm 2023 đến nay hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm cũng như không còn tình cảm vợ chồng. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà B đề nghị ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung: Ông Ngh và bà B không có con chung, tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của bà B và ông Ngh không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh B về việc ly hôn ông Nguyễn Xuân Ngh.

Về con chung và tài sản chung: Bà B và ông Ngh không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, do bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn ông Nguyễn Xuân Ngh là người nước ngoài và sinh sống tại Đức, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B và bị đơn là ông Nguyễn Xuân Ngh đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông Ngh.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND quận Lê Ch, thành phố Hải Ph vào ngày 19/02/2016 theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được khoảng thời gian ngắn thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, văn hoá. Mặt khác, chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Ông Ngh và bà B sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Ngh và bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của bà B.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh B là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh B ly hôn ông Nguyễn Xuân Ngh

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh không có con chung nên Toà án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh B và ông Nguyễn Xuân Ngh không có tài sản chung nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh B không phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:

- Bà Trần Thị Thanh B được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Xuân Ngh được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
-UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng (GCNKH số 06 ngày 19/02/2016);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh B